

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 13/7/2022
V/v “tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH BẮC GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn
2. Ông Nguyễn Hải Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng S - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 25/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia” đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cao Thị N, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: Anh Vi Văn S, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Cao Thị N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi vào năm 2008 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng kết hôn tại UBND xã Hương Gián vào ngày 09/01/2009. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh S ngay. Sau

khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không có tiếng nói chung, anh S không tin tưởng và nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác nhưng thực tế không phải như vậy. Trước đó anh S đã thường xuyên uống rượu và không hỗ trợ chị về kinh tế. Từ sau khi vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh S thường xuyên uống rượu say sau đó chửi, đánh chị và các con. Việc này diễn ra thường xuyên dẫn đến tình cảm giữa vợ chồng dần phai nhạt. Năm 2021 chị đã làm đơn xin ly hôn anh S, sau khi được Tòa án hòa giải chị đã rút đơn về để vợ chồng chung sống hàn gắn tình cảm nhưng từ đó đến nay nhưng tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt, không có thay đổi gì. Đến nay vợ chồng không còn quan hệ tình cảm cũng như không còn quan tâm chăm sóc gì đến nhau nữa. Hiện tại anh S thường xuyên sống tại nhà bố mẹ anh S và chỉ về nhà khi đến thăm con. Chị xác định vợ chồng không thể tiếp tục sống chung, chị xin được ly hôn anh Vi Văn S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Vi Văn T, sinh ngày 30/10/2009 và Vi Văn H, sinh ngày 03/7/2012. Các con đang ở cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH chế biến thực phẩm Sao Việt; địa chỉ tại thôn Như Thiết, xã Hồng Thái, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang thu nhập bình quân từ 13.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng/01 tháng. Ngoài ra bố mẹ chị cũng tạo điều kiện cho 03 mẹ con chị được tiếp tục ở trên đất của ông bà. Còn anh S không có chỗ ở, phải ở nhờ nhà bố mẹ và anh trai anh S. Do đó chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung cho chị với mức là 2.000.000 đồng/01 con/01 tháng cho đến khi cả hai con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Cao Thị N không còn yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, chị N xin rút yêu cầu cấp dưỡng vì anh S hiện không có thu nhập nên không có khả năng cấp dưỡng.

* *Bị đơn là anh Vi Văn S trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh kết hôn với chị Cao Thị N vào năm 2008 (âm lịch) trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Khoảng giữa năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và làm ăn phát triển kinh tế. Chị N đi làm công nhân tại công ty về nhà không gần gũi và quan tâm chăm sóc chồng con, lạnh nhạt với anh. Khi anh thể hiện sự quan tâm, gần gũi thì chị N cáu gắt và tránh xa anh. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thực tế vợ chồng anh đã sống ly thân 02 năm rồi, hai bên không còn quan hệ tình cảm, chăm sóc gì đến nhau. Bản thân anh đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhiều năm nay nhưng không có kết quả. Năm 2021 chị N đã làm đơn ly hôn đến Tòa án nhưng sau đó lại rút đơn về để vợ chồng đoàn tụ hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên từ đó đến nay tình cảm vợ chồng vẫn lạnh nhạt, không có thay đổi gì.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị N xin ly hôn anh đồng ý ly hôn với chị N.

- *Về con chung*: Vợ chồng có hai con chung là Vi Văn T, sinh ngày 30/10/2009 và Vi Văn H, sinh ngày 03/7/2012. Khi ly hôn anh đề nghị trực tiếp chăm sóc nuôi con chung là Vi Văn H; giao con chung là Vi Văn T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay anh đang làm nghề xây dựng tự do ở địa phương, thu nhập bình quân khoảng 10.000.000 đồng/01 tháng.

- *Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp*: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Vi Văn S không còn yêu cầu nào khác.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ có mặt tại phiên họp và tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị N được ly hôn anh Vi Văn S.

- Về con chung: Giao cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi cả 02 con chung là Vi Văn T, sinh ngày 30/10/2009 và Vi Văn H, sinh ngày 03/7/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Không ai yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Bị đơn là anh Vi Văn S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Vi Văn S đều có địa chỉ cư trú tại huyện Y, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Cao Thị N có đơn xin ly hôn với anh Vi Văn S nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Thị N và anh Vi Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Gián, huyện Y vào ngày 09/01/2009 trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh S là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N: Mặc dù chị N và anh S trình bày về nguyên nhân mâu thuẫn không giống nhau nhưng cả chị N và anh S đều thừa nhận vợ chồng phát sinh từ năm 2019. Kết quả xác minh tại địa phương hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị N về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Chị N xin ly hôn, anh S đồng ý. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị N và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị N được ly hôn với anh S là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Cả chị N và anh S cùng trình bày vợ chồng có hai con chung là Vi Văn T, sinh ngày 30/10/2009 và Vi Văn H, sinh ngày 03/7/2012. Hiện nay con chung đang ở cùng với chị N.

Xét yêu cầu xin nuôi cả 02 con chung của chị N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện chị N đang làm việc Công ty TNHH chế biến thực phẩm Sao Việt; qua xem xét bảng lương của chị N thì thấy thu nhập bình quân của chị N từ 13.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng/01 tháng. Còn anh S khai hiện đang làm thợ xây nhưng thu nhập không ổn định và không chứng minh được thu nhập hàng tháng. Hiện chị N và 02 con chung ở riêng trên đất của bố mẹ chị N. Còn anh S phải ở nhờ cùng bố mẹ và anh trai anh S, không có chỗ ở ổn định. Chị N, đại diện chính quyền địa phương và các con anh S khai: anh S không có công việc làm, không tu chí làm ăn, thường xuyên uống rượu không làm chủ được hành vi. Các con của anh S và chị N đều trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng xin được sống cùng chị N.

Xét thấy chị N đủ điều kiện về kinh tế, chỗ ở nuôi cả 02 con. Anh S không có thu nhập, không có chỗ ở không đủ điều kiện nuôi con. Anh S cố ý không đến tham dự phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không giao nộp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con và sự phát triển bình thường của các con và phù hợp nguyện vọng của các con đã đủ 07 tuổi. Cần chấp nhận yêu cầu của chị N giao cho chị N nuôi dưỡng cả 02 con chung. Không chấp nhận yêu cầu của anh S về

việc giao cho anh S nuôi dưỡng con chung là Vi Văn H là phù hợp với các Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ và ruộng đất nông nghiệp: Chị N và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 35, 39, 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, điểm e khoản 1 Điều 192, Điều 227, **Điều 228**, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Cao Thị N được ly hôn với anh Vi Văn S.

2. Về con chung: Giao cho chị Cao Thị N trực tiếp nuôi cả hai con chung là Vi Văn T, sinh ngày 30/10/2009 và Vi Văn H, sinh ngày 03/7/2012 .

Anh S có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Tuy nhiên, người không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì lợi ích của con chung, Tòa án có thể thụ lý giải quyết vụ án thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vụ án yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nếu sau này các đương sự có đơn yêu cầu và theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Cao Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0009405 ngày 17/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Xác nhận chị Tâm đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn **vắng mặt tại phiên tòa được** quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thân Văn Hiếu

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nhàn

Nguyễn Hải Lý

Thân Văn Hiếu

